

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH SINH THÁI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG Ở VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG

Ths. Phùng Thị Hằng, PGS.TS. Phạm Hồng Chương

Đại học Kinh tế Quốc dân

Email: hangpt.edu@gmail.com

Trong những năm qua, du lịch sinh thái (DLST) dựa vào cộng đồng “đã trở thành một công cụ phổ biến để bảo tồn đa dạng sinh học, dựa trên nguyên tắc đảm bảo đa dạng sinh học để tạo ra lợi ích kinh tế, đặc biệt là đối với người dân địa phương” (Agnes Kiss, 2004). Với bản chất nhạy cảm, có trách nhiệm với môi trường và cộng đồng, DLST dựa vào cộng đồng đang phát triển nhanh chóng ở nhiều quốc gia. Tại Việt Nam, loại hình du lịch này có cơ hội phát triển ở các vùng sâu, vùng xa, những nơi có các khu bảo tồn tự nhiên và cảnh quan thiên nhiên hoang sơ tuyệt đẹp gắn với bản sắc dân tộc độc đáo. Tuy nhiên, việc phát triển DLST hiếm khi thành công trong việc đạt được các mục tiêu “kép” của bảo tồn đa dạng sinh học và xóa đói giảm nghèo vì thế cần có các biện pháp để cân bằng giữa lợi ích cộng đồng với các bên liên quan và bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên. Vườn quốc gia (VQG) Cúc Phương (Ninh Bình) là một trong những “địa chỉ tiêu biểu” phát triển sản phẩm DLST dựa vào cộng đồng ở Việt Nam.

Bằng phương pháp thu thập, phân tích dữ liệu và khảo sát thực tế bài viết sẽ đánh giá hiện trạng khai thác hoạt động DLST dựa vào cộng đồng ở VQG Cúc Phương, phân tích mức độ người dân tham gia vào hoạt động DLST và đề xuất một số giải pháp tăng cường mối quan hệ đối tác cùng có lợi giữa cộng đồng địa phương, chính quyền sở tại, Ban quản lý VQG và các doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững DLST, góp phần bảo tồn môi trường và cải thiện đời sống nhân dân.

Từ khóa: Du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng, sản phẩm du lịch sinh thái, vườn quốc gia Cúc Phương.

1. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về DLST dựa vào cộng đồng

Xu hướng của sự phát triển du lịch trong giai đoạn hiện nay vừa hạn chế tối đa các tác động xấu tới môi trường từ hoạt động du lịch, đóng góp quan trọng vào việc quản lý bền vững các khu vực bảo tồn thiên nhiên, xây dựng du lịch bền vững trên cơ sở cân đối lợi ích của thiên nhiên và con người; bảo đảm hài hòa lợi ích của các nhà kinh doanh DLST và người dân địa phương. Đặc biệt, đối với cộng đồng bản địa, những lợi ích thu được từ DLST được xem là một trong những “phương thuốc” hữu hiệu giúp họ thay đổi nhận thức, lối tư duy từ bị động sang chủ động và tham gia bảo vệ môi trường vì chính sinh kế của họ. Chính vì thế, việc phát triển DLST gắn với cộng đồng dân cư địa phương, hay nói ngắn gọn là DLST dựa vào cộng đồng đã và đang được nghiên cứu, phát triển rộng rãi trên quy mô toàn cầu cả về mặt lý luận và thực tiễn.

1.1. Trên thế giới

Bắt đầu từ cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI hàng loạt các nghiên cứu liên quan đến DLST dựa vào cộng đồng đã được công bố: i) Sherry M. Bushnell (1994), *The Ecotourism Planning Kit - A Business Planning Guide for Ecotourism Operators in the Pacific Islands* (1994). Tác giả đã đưa ra bộ công cụ để các doanh nghiệp tìm hiểu các bước cần thiết để thiết lập một liên kết kinh doanh DLST thành công, trong đó vấn đề cốt lõi là hỗ trợ phương tiện sinh kế cho cư dân bản địa và bảo vệ bền vững môi trường; ii) Maureen A. DeCoursey (1998), *Community-Based Ecotourism in the Great Himalayan National Park*. Nghiên cứu chỉ ra rằng “DLST dựa vào cộng đồng” đảm bảo các lợi ích kinh tế - xã hội cho người dân địa phương và cũng được xem như một công cụ bảo tồn, DLST dựa vào cộng đồng có thể là một động lực mạnh mẽ để bảo vệ môi trường; iii) Dr. Stefan Gössling (2005), *Tourism Certification and*

Community-based Ecotourism as Tools for Promoting Sustainability in the Greek Tourism Sector - the example of Zagori. Bài viết này nhấn mạnh DLST dựa vào cộng đồng thường được ca ngợi là loại hình du lịch mang lại lợi ích đáng kể cho người dân địa phương và được xem như là một hình thức phát triển quy mô nhỏ phù hợp với các nguyên tắc cơ bản của tính bền vững. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa loại hình du lịch này không cần thiết quy hoạch và tổ chức quản lý cẩn trọng; iv) Nina Himberg (2006), *Community-based Ecotourism as a Sustainable Development Option in the Taita Hills, Kenya*. Nghiên cứu chỉ ra rằng DLST dựa vào cộng đồng được xem như là một cuộc cách mạng mang lại lợi ích tài chính cho các hộ gia đình cũng như làm sống lại truyền thống văn hóa bản địa đang có nguy cơ bị mai một; v) Bhoj Raj Khanal and Jan Tahir Babar (2007), *Community Based Ecotourism for Sustainable Tourism Development in the Mekong Region*. Công trình này đưa ra luận chứng cho thấy phát triển DLST dựa vào cộng đồng mang đến cơ hội, thuận lợi nhưng cũng tiềm ẩn nhiều thách thức, khó khăn. Nếu quản lý và xây dựng năng lực của các cộng đồng địa phương không được thực hiện song song, cơ hội sẽ bị mất và thiệt hại đáng kể có thể xảy ra. Nghiên cứu đề xuất Chính phủ các nước trong khu vực nên chấp nhận quyền người dân tham gia vào việc quy hoạch, ra quyết định và quản lý các trang web về nguồn lực sinh thái và tự nhiên bao gồm cả các khu bảo tồn và VQG; xác định DLST dựa vào cộng đồng sẽ đóng vai trò chủ đạo hỗ trợ phát triển kinh tế của đất nước; vi) Harold Goodwin & Rosa Santilli (2009), *Community-Based Tourism: a success?*. Nghiên cứu đã chỉ ra nhiều dự án DLST dựa vào cộng đồng đã thất bại và họ lý giải nguyên nhân do người dân nghèo chưa biết cách tiếp cận thị trường, quản lý kém và nhiều dự án trong tình trạng thiếu nguồn tài chính. Nghiên cứu cũng đã phân tích sự thành công của một số dự án là do cộng đồng địa phương có sự tham gia, kiểm soát, sở hữu và quản lý chặt chẽ.

Ngày từ đầu thập kỷ 90 sức hút của loại hình DLST dựa vào cộng đồng cho thấy sự “ưu việt” trong việc mở ra triển vọng liên kết bảo tồn và nâng cao chủ về tài chính cho người dân địa phương, đồng thời đạt được cả hai mục tiêu trên cơ sở bền vững. Giữa những năm 1990, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) đã đầu tư 105 dự án với kinh phí 2 tỷ USD cho hoạt động DLST có sự tham gia của cộng đồng. Ngân hàng thế giới cũng đã tài trợ 32 trong số 55 dự án hỗ trợ các khu bảo tồn (PAS) và các khu vực phát triển DLST dựa vào cộng

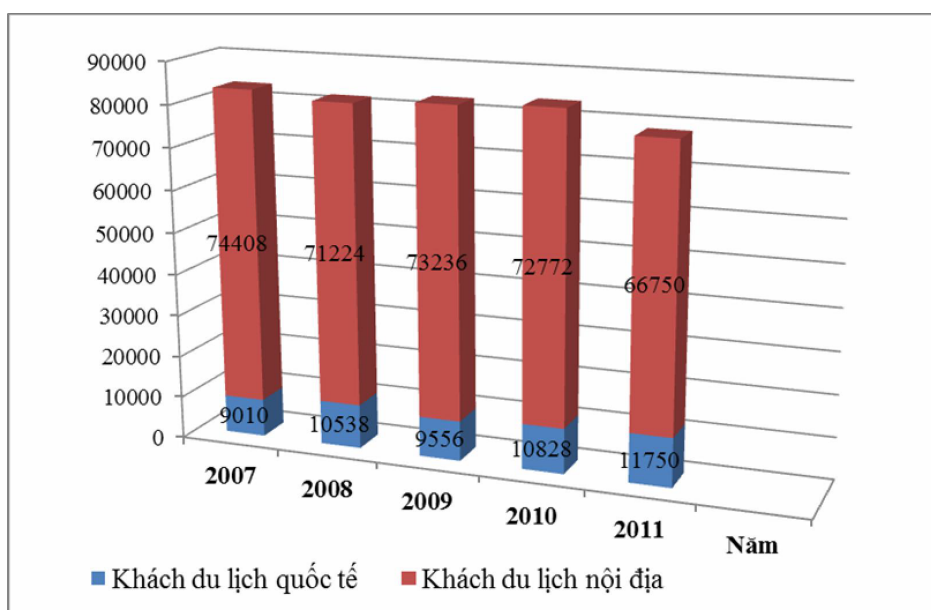
đồng ở châu Phi trong giai đoạn 1998 – 2003. Ngoài ra, đã có những mô hình DLST dựa vào cộng đồng thành công, được coi là ví dụ điển hình như ở Canada, Australia, Costa Rica, Kenya, Belize, Thái Lan...

1.2. Tại Việt Nam

Phát triển sản phẩm DLST trong mối quan hệ với bảo vệ môi trường và hỗ trợ sinh kế cho cộng đồng dân cư bản địa trong thời gian gần đây đã thu hút sự quan tâm chú ý của các nhà nghiên cứu: i) Tran Thi Mai Hoa, Huan Nguyen Cao Huan, Noma Haruo (2010), *Potential of Developing Community-based Ecotourism in Van Don District, Quang Ninh Province*. Bài viết đề xuất một số hướng dẫn cho việc thành lập một trang web DLST ở những giai đoạn đầu tiên để tránh sự phát triển “méo mó” bản chất của hoạt động DLST; ii) Nguyễn Quốc Nghi, Phạm Lê Hồng Nhung (2011) *Giải pháp phát triển DLST gắn với du lịch cộng đồng ở Tiền Giang*. Nghiên cứu phân tích lợi thế so sánh về tiềm năng phát triển DLST ở Tiền Giang tuy nhiên sức hút khách du lịch còn hạn chế do sản phẩm du lịch đơn điệu. Từ đó, bài viết đề xuất một số giải pháp phát triển hiệu quả loại hình du lịch này; iii) Võ Văn Phong (2012), *Nghiên cứu phát triển DLST cộng đồng tại vườn quốc gia Pù Mát - Nghệ An*. Đề tài đã phân tích mối quan hệ giữa DLST cộng đồng ở VQG Pù Mát và du lịch miền Tây Nghệ An; mối quan hệ giữa DLST cộng đồng với việc bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa bản địa.

Xu hướng phát triển DLST dựa vào cộng đồng cũng đang thịnh hành tại 30 VQG trên phạm vi toàn quốc bởi đây chính là địa bàn có nhiều lợi thế hấp dẫn khách DLST; được xác định sử dụng chủ yếu phục vụ mục đích bảo vệ, giáo dục môi trường và DLST; đồng thời khai thác phát triển DLST dựa vào cộng đồng ở các VQG sẽ giúp bảo tồn đa dạng sinh học, bảo tồn văn hóa địa phương và giúp người dân tăng thêm thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống trên chính mảnh đất quê hương nơi họ sinh kế. Tuy nhiên, hoạt động DLST ở các địa bàn này chủ yếu vẫn do Ban quản lý các VQG tự tổ chức, vận hành và chưa phát triển tương xứng với tiềm năng. Vì thế, lợi ích từ hoạt động DLST đến với cộng đồng dân cư địa phương còn rất “nhỏ giọt”. Thực sự ở Việt Nam chưa có nhiều mô hình DLST đích thực. Trong số đó, VQG Cúc Phương được xem là một “điểm sáng” điển hình trong phát triển DLST dựa vào cộng đồng song mô hình này được ví như “ánh sáng lóe lên” trong giai đoạn đầu khởi sinh theo trào lưu của thế giới rồi “bập bênh” dần trước thực tế các dự án hỗ trợ cộng đồng từ phát triển DLST đã không còn

Biểu đồ 1: Quy mô và cơ cấu lượng khách đến VQG Cúc Phương giai đoạn 2007 – 2011



(Nguồn: Ban quản lý VQG Cúc Phương)

thu hút giới đầu tư và du khách cũng chẳng còn nhiều “mặn mà” đến với một VQG có cảnh sắc thiên nhiên tuyệt mỹ với những nét văn hoá mang đậm bản sắc dân tộc nhưng lại đơn điệu trong cách khai thác phát triển sản phẩm DLST.

2. Phát triển DLST dựa vào cộng đồng ở VQG Cúc Phương chưa tương xứng với tiềm năng

Được thành lập năm 1962, Cúc Phương là VQG đầu tiên của Việt Nam. Với đặc trưng là rừng mưa nhiệt đới, xanh quanh năm, Cúc Phương có hệ động thực vật vô cùng phong phú, đa dạng và nhiều cảnh quan đẹp nguyên sơ. Đây còn là nơi cư trú lâu đời của người dân tộc Mường với những nét văn hóa độc đáo. Vì thế, Cúc Phương được coi là điểm du lịch có sức hấp dẫn đặc biệt trong các tuyến DLST dựa vào cộng đồng. Nhưng trên thực tế, những thành quả mang lại còn quá khiêm tốn so với tiềm năng và sức hấp dẫn to lớn của VQG Cúc Phương

Về lượng khách du lịch: Theo báo cáo của Ban quản lý VQG Cúc Phương, lượng khách dao động ở mức 78,5-83,4 nghìn lượt khách/năm (giai đoạn

2007 – 2011), xu hướng tăng giảm thất thường song ít có biến động mạnh. Cơ cấu khách chủ yếu là khách nội địa, chiếm từ 85% - 89,2%. Đặc điểm khách du lịch nội địa thường đến với mục đích du lịch thuần túy; đa phần là học sinh sinh viên đến tham quan, vui chơi giải trí vào dịp cuối tuần, nghỉ lễ hoặc kết hợp khảo sát thực tế phục vụ việc học tập nên thường chỉ lưu lại 1- 2 ngày; khách du lịch quốc tế đến VQG Cúc Phương thường đam mê khám phá thiên nhiên, khám phá rừng mưa nhiệt đới, muốn tìm hiểu và trải nghiệm đời sống văn hóa bản địa, khả năng lưu trú dài ngày. Lượng khách quốc tế đang có xu hướng tăng là một dấu hiệu khả quan giúp phát huy tiềm năng vốn có về DLST dựa vào cộng đồng tại VQG Cúc Phương nhưng tỷ trọng còn quá ít (chưa đến 20%).

Về doanh thu: Tổng doanh thu tại VQG Cúc Phương tăng đều qua các năm và tương đối ổn định, đạt 2,55 - 4,05 tỷ đồng từ 2007 - 2011. Tuy nhiên, với tiềm năng to lớn của VQG Cúc Phương thì doanh thu này còn nhỏ bé so với du lịch Ninh Bình và rất nhỏ bé so với tổng doanh thu du lịch của Việt

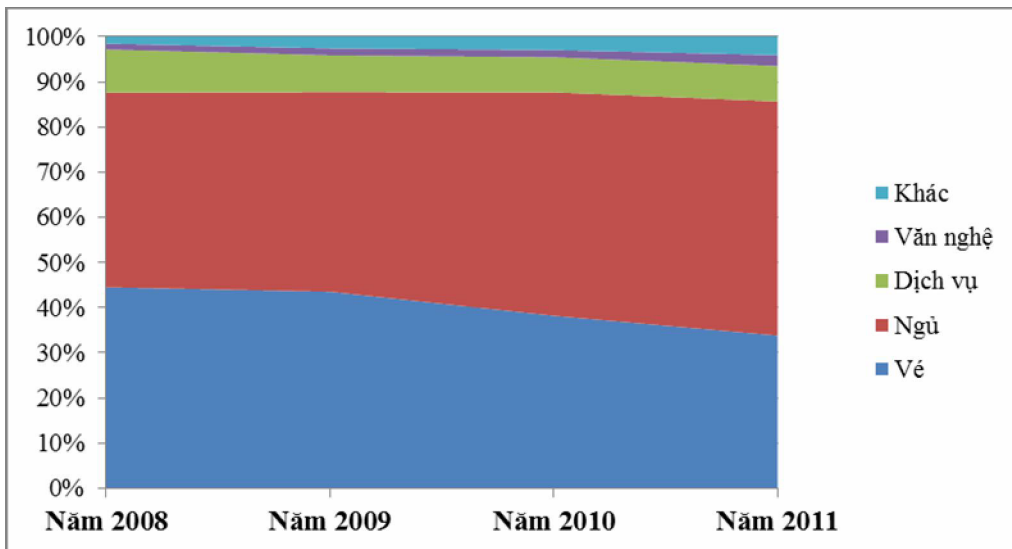
Bảng 1: Biến động doanh thu tại VQG Cúc Phương giai đoạn 2007 - 2011

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011
Doanh thu (triệu đồng)	2.550	3.120	3.235	3.725	4.045
Tỷ lệ (%)	100	122,4	126,9	146,1	158,6

(Nguồn: Ban quản lý VQG Cúc Phương)

Biểu đồ 2: Cơ cấu các loại doanh thu du lịch VQG Cúc Phương giai đoạn 2008 – 2011



(Nguồn: Ban quản lý VQG Cúc Phương)

Nam. (chiếm khoảng 0,6% doanh thu du lịch Ninh Bình và 0,003% tổng doanh thu du lịch Việt Nam).

Nguồn doanh thu từ hoạt động du lịch của VQG Cúc Phương gồm: vé, lưu trú, dịch vụ, văn nghệ và các nguồn thu khác. Trong đó nguồn thu chủ yếu của vườn là từ hoạt động lưu trú và vé. Cơ cấu nguồn thu đang có sự thay đổi giữa các thành phần trong những năm gần đây theo xu hướng giảm dần tỉ trọng từ thu vé tham quan tăng tỉ trọng của hoạt động lưu trú, dịch vụ, văn nghệ và các hoạt động khác. Tuy nhiên, nguồn thu trực tiếp hỗ trợ cho người dân địa phương chủ yếu từ hoạt động lưu trú ngoài dân còn rất hạn hẹp.

Về đội ngũ lao động phục vụ du lịch: Theo thống kê năm 2012 Trung tâm DLST & Giáo dục môi trường (đơn vị được Ban quản lý VQG Cúc Phương ủy quyền chịu trách nhiệm toàn bộ mảng hoạt động DLST của VQG) có đội ngũ nguồn nhân lực gồm 74 người, trong đó cán bộ viên chức là 13 người, lao động hợp đồng là 61 người. Chất lượng đội ngũ lao động còn hạn chế, đa phần không tốt nghiệp từ chuyên ngành du lịch, trình độ cao đẳng và đại học chỉ chiếm 17,5%. Hầu hết các nhân viên của Trung tâm đều biết ngoại ngữ nhưng ở trình độ thấp, đa số đạt chứng chỉ từ A đến B, một số đạt trình độ C (5/74 người). Trong đó, một số người giao tiếp khá là do họ tự học hỏi thông qua giao tiếp với nhiều du khách quốc tế. Chất lượng của nguồn nhân lực chưa tốt gây ảnh hưởng hạn chế tới việc đáp ứng các yêu cầu của khách DLST đến với VQG Cúc Phương.

Thu hút vốn và các dự án đầu tư: Trong giai

đoạn 1986-1995, cùng với việc triển khai phương án điều chỉnh lại dân cư ra khỏi ranh giới nghiêm ngặt của VQG Cúc Phương, Ban quản lý VQG đã xúc tiến triển khai một dự án nhỏ như: Dự án xây dựng làng du lịch sinh thái bản Khanh; Dự án chuyển giao công nghệ nuôi ong, hươu, cải tạo vườn tạp; hỗ trợ hơn 100 triệu giúp xã Cúc Phương xây dựng trường mầm non; xuất vốn vay cho 25 hộ dân đầu tư chăn nuôi, sản xuất, xoá đói giảm nghèo... Năm 1996 dưới sự tài trợ của tổ chức phi chính phủ ARA (Applied Research Associates) tại Đức, Dự án bảo tồn Cúc Phương với mục đích nâng cao hiểu biết và nhận thức tầm quan trọng của việc bảo tồn VQG Cúc Phương đã đi vào hoạt động và thành lập được 43 câu lạc bộ bảo tồn thiên nhiên tại các trường học và các thôn bản xung quanh vùng đệm, thu hút trên 30.000 hội viên tham gia sinh hoạt. Đến năm 2007, Công ty du lịch và Bảo tồn SAPIO (trong tiếng Latin cổ có nghĩa là “Tri thức” hay “Sức mạnh của tri thức”) kết hợp với Tập đoàn Truyền thông Arena triển khai dự án phát triển du lịch Cúc Phương theo hướng DLST, dự kiến kéo dài 30 năm, vào giai đoạn 3 sẽ chuyển giao lại cho VQG quản lý. Trong 5 năm đầu xây dựng dự án, sẽ tuyển khoảng 50 lao động địa phương. Khi dự án đi vào hoạt động sẽ cần tổng số khoảng 150 lao động. Nguồn nhân lực dự án hướng tới là thanh niên địa phương trong độ tuổi 18-30 và chủ dự án sẽ bỏ ra toàn bộ kinh phí để đào tạo họ. Dự án sẽ hợp tác với các bản xung quanh để phát triển lưu trú làng bản, các sản phẩm du lịch. Cộng đồng chỉ chịu trách nhiệm làm ra sản phẩm theo hợp đồng còn SAPIO sẽ tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Công tác quảng bá về du lịch VQG Cúc

Phương sẽ được thúc đẩy mạnh, hướng tới đối tượng là khách du lịch quốc tế. Đây là những điều kiện thuận lợi mở ra cơ hội để người dân địa phương tiếp cận và rèn luyện những kỹ năng, kinh nghiệm cần thiết để phát triển DLST; góp phần nâng cao năng lực và vai trò của cộng đồng trong hoạt động du lịch. Tuy nhiên, trong giai đoạn thực hiện dự án, tỷ lệ người được hưởng lợi trực tiếp so với toàn bộ cộng đồng sinh sống ở vùng đệm và vùng lõi của Vườn còn rất nhỏ. Mặt khác, chỉ có một số ít làng bản đạt tiêu chuẩn để phát triển dịch vụ nhà nghỉ sinh thái nên kế hoạch hợp tác lưu trú với các làng bản của dự án cũng sẽ bị hạn chế. Theo Ban Giám đốc Trung tâm DLST & GDMT, ở thời điểm hiện tại hầu như có rất ít nguồn vốn đầu tư từ bên ngoài để phát triển DLST; mọi chi phí đều được chi trả dựa vào nguồn thu tự có của Vườn. Thực tế này cho thấy hành lang pháp lý cho việc phát triển du lịch ở VQG, đặc biệt là cơ chế đầu tư và liên doanh liên kết còn chưa rõ ràng.

Sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động DLST tại VQG Cúc Phương còn mờ nhạt: Đời sống của cư dân vùng đệm nhìn chung còn khó khăn, chủ yếu dựa vào nông nghiệp. Những người được hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động du lịch của VQG Cúc Phương chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Tại VQG Cúc Phương mới chỉ có Bản Khanh nằm hoàn toàn trong vùng lõi của VQG và từ lâu đã tham gia vào hoạt động du lịch của Vườn. Từ Trung tâm Vườn đi về hướng Tây, xuyên qua khu rừng già với nhiều trảng cỏ, thung lũng, vượt qua nhiều đèo dốc với chiều dài khoảng 16 km sẽ tới Bản. Hiện nay, đời sống kinh tế của Bản Khanh gặp nhiều khó khăn do chủ yếu dựa vào nông nghiệp và chăn nuôi. Để giúp cộng đồng địa phương tham gia vào hoạt động du lịch, Ban Du lịch VQG đã có những chính sách cụ thể như hỗ trợ vốn, trang thiết bị, sửa chữa đường... và có mối liên hệ thường xuyên qua trường thôn. Tuy nhiên, mức độ tham gia các hoạt động DLST của người dân chưa thực sự hiệu quả.

- Tham gia vào cung cấp dịch vụ lưu trú (ngủ và ăn uống): Theo thống kê của Trung tâm DLST & Giáo dục môi trường, VQG Cúc Phương có tổng số 378 chỗ nghỉ được bố trí ở ba khu vực là khu Công, khu Mạc và khu Bồng, công suất sử dụng hàng năm chỉ đạt từ 17 đến 20% song lại không đủ đáp ứng nhu cầu vào những thời điểm đông khách, nhất là vào các ngày lễ; khi đó các đoàn khách mới được giới thiệu ra nghỉ nhờ nhà dân. Tại Bản Khanh, nơi được coi là mô hình du lịch dựa vào cộng đồng của Vườn, chỉ có 4/26 hộ được đầu tư phục vụ khách du lịch thường xuyên. Mỗi hộ phục vụ được 10 - 15 du

khách/nhà sàn, cao điểm có thể lên 20 người. Trong chính sách của Vườn đối với cộng đồng địa phương, các hộ gia đình phục vụ khách lưu trú được hưởng 50% số tiền thu được từ khách du lịch, số tiền còn lại hàng tháng Ban Du lịch hỗ trợ cho quỹ an ninh, phúc lợi của bản Khanh 30%, phí xây dựng, bảo quản nhà sàn, trang thiết bị 20%; các dịch vụ khác các hộ gia đình tự làm, tự cân đối. Ngoài ra, gần khu vực cổng Vườn khoảng 2km, có một số hộ kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ hay ăn uống, buôn bán nhỏ lẻ. Tuy nhiên, lượng khách du lịch dừng lại để mua hàng hoặc ra ngoài thuê nhà nghỉ không nhiều.

VQG Cúc Phương có ba cơ sở phục vụ ăn uống ở cạnh ba khu lưu trú, trong đó khu Cổng đảm bảo chất lượng phục vụ khoảng 150 khách, khu Bồng (cách cổng vườn 18km) đảm bảo phục vụ cho 200 khách, khu Mạc đảm bảo phục vụ khoảng hàng trăm lượt khách và tiệc đứng. Tuy nhiên, người dân địa phương chỉ được hưởng lợi trực tiếp từ hoạt động lưu trú và ăn uống ngoài dân theo hình thức du lịch “homestay”, còn các dịch vụ ăn uống tại VQG chủ yếu do Ban quản lý Vườn và Trung tâm DLST & Giáo dục môi trường quản lý. Có khoảng 13 - 14 người dân địa phương được huy động tham gia bộ phận lưu trú và ăn uống của Vườn nhưng chỉ có trình độ sơ cấp, trung cấp hoặc lao động phổ thông theo mùa vụ nên thu nhập không cao.

- Tham gia vào hoạt động hướng dẫn, văn hóa văn nghệ: Trung tâm DLST và Giáo dục môi trường có 3/9 hướng dẫn viên là người dân bản địa thường được bố trí đi cùng du khách trong các tour du lịch mạo hiểm như cắm trại, ngủ đêm trong rừng, đi bộ xuyên rừng. Khai thác những giá trị đặc sắc của văn hóa dân tộc Mường của các bản vùng đệm, VQG Cúc Phương đã thành lập Đội văn nghệ 11 thành viên chủ yếu là người dân địa phương nhằm phục vụ du khách thưởng thức các làn điệu dân ca, điệu hò gọi bạn cùng với đặc sản rượu cần của địa phương. Tuy vậy, cuộc sống của người dân còn rất khó khăn, đa số mức thu nhập của người dân đều rất thấp.

- Tham gia vào cung cấp lương thực, thực phẩm: Trong những năm qua, được sự hỗ trợ của VQG cũng như chính quyền địa phương, một số dự án nâng cao đời sống cộng đồng thông qua việc cho các hộ vay vốn nuôi hươu, dệt thổ cẩm, trồng rừng, trồng cây ăn quả, lúa gạo... được thực hiện, bước đầu đã thu được những kết quả nhất định. Cũng từ đó người dân nơi đây bắt đầu tiếp xúc với hoạt động du lịch và cung ứng lương thực, thực phẩm cho Ban Du lịch của VQG Cúc Phương. Đặc biệt, rượu nhưng hươu và rượu mơ do người dân vùng đệm VQG sản xuất được coi là hương vị riêng của Cúc

Phương. Tuy nhiên, chủng loại hàng hóa còn đơn điệu, lượng sản phẩm tiêu thụ còn hạn chế.

- Tham gia vào công tác bảo vệ môi trường phục vụ du lịch: VQG Cúc Phương đã thành lập các câu lạc bộ bảo tồn tại trường học, đưa nội dung giáo dục bảo vệ môi trường vào chương trình học tập chính khóa, triển khai chương trình thôn bản tại các cộng đồng dân cư; kêu gọi sự ủng hộ từ các tổ chức Bảo tồn trên thế giới và cộng đồng địa phương tham gia hoạt động cụ thể như cứu hộ và bảo tồn thú linh trưởng; bảo tồn rùa; chăm sóc và thuần dưỡng hươu, nai; trồng cây; mở rộng các hoạt động nâng cao nhận thức bảo tồn... Tổ giáo dục nâng cao nhận thức Bảo tồn thiên nhiên của Trung tâm DLST và Giáo môi trường có 6 tuyên truyền viên, 2 nhân viên vệ sinh môi trường. Tuy nhiên, hoạt động bảo vệ môi trường phục vụ du lịch chưa thu hút đông đảo người dân hưởng ứng tham gia bởi đời sống kinh tế của họ còn khó khăn.

- *Tham gia vào công tác quản lý*: Toàn bộ mảng hoạt động DLST của VQG Cúc Phương được giao cho Trung tâm DLST & và Giáo môi trường tiến hành thực hiện và có trách nhiệm báo cáo lên Ban quản lý VQG. Ban giám đốc của Trung tâm có 02 người, Điều phối hoạt động của trung tâm qua 07 tổ trưởng phụ trách các bộ phận. Tuy vậy, làm việc trong Ban Du lịch chỉ có 5% tổng số nhân viên được ký hợp đồng và biên chế chính thức là người bản địa.

Nhìn chung, cộng đồng địa phương trong hoạt động DLST tại VQG Cúc Phương đã có những thành quả nhất định về cả kinh tế và xã hội nhưng nó vẫn chỉ dừng lại ở mức sơ khai, những tác động của du lịch đến văn hóa - kinh tế của cộng đồng là chưa nhiều, thái độ của người dân về du lịch đã được định hình nhưng còn mờ nhạt. Điều này hạn chế rất nhiều khả năng thu hút cộng đồng vào hoạt động du lịch.

3. Một số giải pháp thu hút cộng đồng tham gia phát triển DLST

Để tăng cường thu hút cộng đồng địa phương tham gia phát triển sản phẩm DLST ở VQG Cúc Phương cần xây dựng quy chế phối hợp giữa các bên tham gia.

3.1. Đối với chính quyền địa phương và Ban quản lý VQG

Ban quản lý VQG cần có cơ chế phối hợp với Chính quyền địa phương khuyến khích người dân tham gia vào việc quy hoạch, ra quyết định và quản lý về nguồn lực sinh thái, các hoạt động bảo tồn và phát triển DLST dựa vào cộng đồng nhằm hỗ trợ

phát triển sinh kế địa phương, xóa đói giảm nghèo, làm sống lại truyền thống văn hóa bản địa đang có nguy cơ bị mai một và tác động tích cực đến các khu vực môi trường nhạy cảm. Trong quy hoạch phát triển cho phép người dân đầu tư, liên kết xây dựng các khu nghỉ dưỡng và được thuê rừng đặc dụng trong phân khu sinh thái phục vụ du lịch và tạo điều kiện thuận lợi để cộng đồng huy động các nguồn vốn đầu tư cho phát triển sản phẩm DLST.

VQG Cúc Phương có tiềm năng tuyệt vời để phát triển DLST dựa vào cộng đồng và mức độ cộng đồng quan tâm đến du lịch rất cao vì ngoài nghề nông, đời sống của họ chủ yếu phụ thuộc vào du khách. Trước đây, khi các dự án đầu tư phát triển DLST đồng loạt triển khai đã mang đến “sức sống mới” cho cộng đồng song hiện nay thực trạng “bỏ ngõ” các dự án đã khiến cho đời sống của người dân không còn khởi sắc như những năm cuối thập kỷ 90. Điểm yếu trong việc thu hút cư dân địa phương tham gia phát triển DLST là người dân còn thiếu các kỹ năng, kiến thức và các dự án hỗ trợ để phát triển. Vì vậy, Ban quản lý VQG Cúc Phương cần khuyến khích người dân tham gia các hoạt động du lịch thông qua các biện pháp cụ thể như mở rộng các chương trình hội nghị, hội thảo, tập huấn cho cư dân vùng đệm; hỗ trợ cộng đồng địa phương xin tài trợ của nước ngoài để thực hiện các chương trình nâng cao năng lực cộng đồng trong lĩnh vực DLST.

Tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng hưởng lợi trực tiếp từ du lịch, hỗ trợ Bản Khanh và các bản vùng đệm khôi phục văn hóa bản địa, sản xuất và cung cấp nông phẩm, khôi phục và tổ chức các lễ hội mang đậm văn hóa địa phương; hướng dẫn du khách cách làm các sản vật địa phương như nấu rượu cần, làm bánh dày, dệt thổ cẩm, thu hoạch nông phẩm; phối hợp với người dân bảo tồn và phục hồi tiếng nói, tập tục sinh hoạt, cách chế tác nhạc cụ của người dân tộc Mường... và đưa ra các sáng kiến chia sẻ nguồn thu lệ phí du lịch ở VQG cho cộng đồng dân cư địa phương.

3.2. Đối với các doanh nghiệp

Cần nâng cao vai trò của người dân địa phương trong các hoạt động trực tiếp tham gia vào phát triển DLST. Đồng thời, phải đào tạo đội ngũ nhân viên am hiểu về DLST, về nơi mình làm việc để đáp ứng yêu cầu khách tham quan du lịch.

Đầu tư nghiên cứu để tạo ra những sản phẩm du lịch mới có sức hấp dẫn kết hợp đa dạng hóa sản phẩm du lịch với thời gian nội dung các chương trình khác nhau, mở rộng thêm các tuyến điểm du lịch, đầu tư phát triển DLST gắn với cộng đồng ở các bản cạnh bản Khanh như bản Nga, bản Biện,

bản Sấm... đưa thêm các điểm có phong cảnh đẹp như động Trăng khuyết, động Chúa, động Sơn Cung, động Vui Xuân... vào các tuyến du lịch với sự tham gia hướng dẫn và cung cấp dịch vụ du lịch từ người dân bản địa.

Tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng hưởng lợi trực tiếp từ du lịch thông qua các hoạt động tăng thêm sự lựa chọn cho khách và tăng cơ hội phát triển dịch vụ của cư dân địa phương như giới thiệu du khách lưu trú tại các nhà nghỉ ngoài vùng đệm, liên kết cung cấp các mặt hàng ăn uống, quà lưu niệm được sản xuất từ địa phương, khuyến khích du khách cùng người dân tham gia các lễ hội truyền thống của dân tộc Mường và các hoạt động bảo vệ môi trường ở VQG.

3.3. Đối với người dân địa phương vùng đệm VQG Cúc Phương

Cư dân sở tại cần phối hợp với cơ quan chính quyền địa phương và Ban quản lý VQG Cúc Phương trong việc thi hành các chính sách phát triển DLST, tham gia đầy đủ các buổi tập huấn về giáo dục về môi trường, trao đổi về cách kinh doanh DLST, phối hợp xây dựng các nhà nghỉ Homestay tại nhà dân...

Đội ngũ hướng dẫn viên du lịch là người dân địa phương cần phát huy lợi thế về các kỹ năng và kiến thức hiểu biết qua kinh nghiệm thực tiễn để hấp dẫn khách du lịch. Người dân địa phương cũng cần nâng cao ý thức trong việc tuyên truyền giáo dục môi trường tích cực trong cộng đồng và du khách.

Để phát triển DLST thành công cần kết hợp vai

trò của người dân trong công tác bảo tồn, chăm sóc và bảo vệ rừng. Nếu người dân tự nâng cao được ý thức và trách nhiệm của mình trong việc bảo tồn thiên nhiên, bảo vệ môi trường và các giá trị văn hóa truyền thống thì họ sẽ nhận được lợi ích bền vững không chỉ ở hiện tại mà còn để lại “di sản” cho cả thế hệ tương lai.

Sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương trong việc lập kế hoạch và quản lý du lịch cộng đồng là điều kiện tiên quyết để thực hiện thành công DLST dựa vào cộng đồng tại địa phương.

4. Kết luận

Cộng đồng địa phương giữ vai trò to lớn trong phát triển DLST bởi lẽ cộng đồng địa phương chính là những người chủ sở hữu các nguồn tài nguyên thiên nhiên và hiểu rõ nhất về các nguồn tài nguyên cũng như giá trị nền văn hóa riêng của mình. Vì vậy, tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển DLST là hết sức quan trọng. Sự tham gia của cộng đồng không chỉ có tác dụng to lớn trong việc nâng cao nhận thức của du khách và người dân trong việc bảo vệ môi trường mà còn giúp cho cộng đồng dân cư nâng cao chất lượng đời sống. Nhấn mạnh sự cần thiết vai trò chủ động hơn của người dân trong hoạt động DLST sẽ giúp các nhà kinh doanh, hoạch định chính sách, Ban quản lý DLST ở các VQG nắm giữ lợi ích trong tầm tay khi đạt được mục tiêu “kép” trong việc bảo vệ vẻ đẹp và chất lượng môi trường của VQG; đồng thời cải thiện đời sống của cộng đồng địa phương, thực hiện thành công mục tiêu xóa đói giảm nghèo. □

Tài liệu tham khảo:

1. Agnes Kiss (2004) *Is community-based ecotourism a good use of biodiversity conservation funds?* TRENDS in Ecology and Evolution journal, Vol.19 No.5.
2. Claudette Juska, Cynthia Koenig (2006), *Planning for sustainable community – based ecotourism in Uaxactun, Guatemala.*
3. Honey, M. (2002) *Ecotourism and Certification: Setting Standards in Practice*, Island Press.
4. Lê Thu Hương (2008), *Phát triển hoạt động du lịch vì người nghèo*, Tạp chí Du lịch Việt Nam, số tháng 05/2008.
5. Keith W. Sproule (2006) *Community-Based Ecotourism Development: Identifying Partners in the Process.*
6. Nguyễn Văn Mạnh và nnk (2006), *Phát triển sản phẩm DLST ở Ninh Bình*, Đề tài cấp bộ.
7. Nguyễn Quyết Thắng (2010), *Indonesia phát triển DLST dựa vào cộng đồng*, Tạp chí Du lịch Việt Nam số tháng 6/2010.
8. Vườn quốc gia Cúc Phương: Một điển hình trong công tác bảo tồn tự nhiên (2006) <http://cema.gov.vn/modules.php?mid=5127&name=Content&op=details>
9. The World Bank, (2003) *Cornerstones for Conservation: World Bank Assistance for Protected Areas*
10. WWF (2001), *Guidelines for Community-based Ecotourism*. WWF International. Available on <http://www.icr-tourism.org/Publications/WWF1eng.pdf>.